

Số: /QĐ-UBND

Lào Cai, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh Lào Cai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05/4/2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hoá hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục 143 thủ tục hành chính (TTHC) thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã (kèm theo Danh mục TTHC).

Điều 2. Giao các sở, ban, ngành chủ trì, phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và UBND cấp xã căn cứ Danh mục thủ tục hành chính nêu tại Điều 1 triển khai tái cấu trúc quy trình TTHC trong tiếp nhận, giải quyết TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, Cổng Dịch vụ công Quốc gia.

Điều 3. Giao Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh:

- Chủ trì, phối hợp với sở Khoa học và Công nghệ, Viễn thông Yên Bái, Viễn thông Lào Cai nâng cấp, hoàn thiện các chức năng, tính năng kỹ thuật của Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh; cung cấp đầy đủ chữ ký số của cán bộ, công chức, viên chức tham gia quy trình giải quyết TTHC và các điều kiện có liên quan để triển khai việc thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp xã, các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai, hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức tại Bộ phận Một cửa thực hiện quy trình tiếp nhận, xử lý và trả kết quả giải quyết TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính gắn với việc số hoá hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan để tạo lập, phân quyền tài khoản sử dụng cho cán bộ, công chức, viên chức; cấu hình quy trình điện tử TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.

- Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện của các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường; thường xuyên rà soát, tổng hợp khó khăn, vướng mắc phát sinh, đề xuất tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh sửa đổi, bổ sung phù hợp quy định pháp luật và tình hình thực tế.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các cá nhân, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2025./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh uỷ, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh, Phó CVP UBND tỉnh (đ/c Tú);
- Như Điều 4;
- VNPT Yên Bái, VNPT Lào Cai;
- Lưu: VT, HCC.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Ngô Hạnh Phúc

DANH MỤC

Thủ tục hành chính thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành, UBND cấp xã

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết	Ghi chú
1.	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh (1.001266.000.00.00.H38)	Kinh doanh	UBND cấp xã	
2.	Tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh (1.001570.000.00.00.H38)	-	-	
3.	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh (1.001612.000.00.00.H38)	-	-	
4.	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (2.000575.000.00.00.H38)	-	-	
5.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh (2.000720.000.00.00.H38)	-	-	
6.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (1.004901.000.00.00.H38)	-	-	
7.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập (1.004979.000.00.00.H38)	-	-	

TT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết	Ghi chú
8.	Cấp Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke (1.001029.000.00.00.H38)	Văn hoá	Cấp tỉnh	
9.	Cấp Giấy phép điều chỉnh Giấy phép đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ karaoke cấp tỉnh (1.000963.000.00.00.H38)	Văn hoá	Cấp tỉnh	
10.	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (1.004982.000.00.00.H38)	-	UBND cấp xã	
11.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập (1.005277.000.00.00.H38)	Hợp tác xã	-	
12.	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất (1.005280.000.00.00.H38)	-	-	
13.	Cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản (2.001827.000.00.00.H38)	Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản	Sở Nông nghiệp và Môi trường	
14.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn (1.008128.000.00.00.H38)	Chăn nuôi	-	

TT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết	Ghi chú
15.	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y) (2.001064.000.00.00.H38)	Thú y	-	
16.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (1.001686.000.00.00.H38)	-	-	
17.	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu) (1.011475.000.00.00.H38)	-	-	
18.	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (1.011477.000.00.00.H38)	-	-	
19.	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối (1.004692.000.00.00.H38)	Thủy sản	-	
20.	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật (1.004493.000.00.00.H38)	Bảo vệ thực vật	-	
21.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (1.004363.000.00.00.H38)	Bảo vệ thực vật	-	
22.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật (1.004346.000.00.00.H38)	-	-	
23.	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón (1.007931.000.00.00.H38)	-	-	

TT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết	Ghi chú
24.	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón (1.007932.000.00.00.H63)	-	-	
25.	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón (1.007933.000.00.00.H38)	-	-	
26.	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao đất để quản lý (1.012756.000.00.00.H38)	Đất đai	-	
27.	Xóa đăng ký thuê, cho thuê lại quyền sử dụng đất trong dự án xây dựng kinh doanh kết cấu hạ tầng (1.012766.000.00.00.H38)	-	-	
28.	Đăng ký biến động đối với trường hợp đổi tên hoặc thay đổi thông tin về người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất; thay đổi hạn chế quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất hoặc có thay đổi quyền đối với thửa đất liền kề; giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên (1.013833.H38)	-	-	
29.	Đăng ký tài sản gắn liền với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận hoặc đăng ký thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký (1.013995.H38)	-	-	

TT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết	Ghi chú
30.	Đăng ký biến động đối với trường hợp thay đổi quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo thỏa thuận của các thành viên hộ gia đình hoặc của vợ và chồng; quyền sử dụng đất xây dựng công trình trên mặt đất phục vụ cho việc vận hành, khai thác sử dụng công trình ngầm, quyền sở hữu công trình ngầm; bán tài sản, điều chuyển, chuyển nhượng quyền sử dụng đất là tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo kết quả giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất do xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã được đăng ký, bao gồm cả xử lý khoản nợ có nguồn gốc từ khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (1.013980.H38)	-	-	
31.	Đăng ký biến động đối với trường hợp thành viên của hộ gia đình hoặc cá nhân đang sử dụng đất thành lập doanh nghiệp tư nhân và sử dụng đất vào hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp (1.012793.000.00.00.H38)	-	Văn phòng đăng ký đất đai; Văn phòng đăng ký đất đai	
32.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với thửa đất có diện tích tăng thêm do thay đổi ranh giới so với giấy chứng nhận đã cấp (1.012781.000.00.00.H38)	-	Văn phòng đăng ký đất đai; Văn phòng đăng ký đất đai	

TT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết	Ghi chú
33.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận (1.012782.000.00.00.H38)	Đất đai	-	
34.	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất (1.012783.000.00.00.H38)	-	-	
35.	Tách thửa hoặc hợp thửa đất (1.012784.000.00.00.H38)	-	-	
36.	Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất (1.012786.000.00.00.H38)	-	-	
37.	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp (1.012790.000.00.00.H38)	-	-	
38.	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi (1.012791.000.00.00.H38)	-	-	
39.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 8 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định (1.012785.000.00.00.H38)	-	-	

TT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết	Ghi chú
40.	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở, công trình xây dựng trong dự án bất động sản (1.012787.000.00.00.H38)	-	-	
41.	Cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai (1.012789.000.00.00.H38)	-	-	
42.	Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (1.011818.000.00.00.H38)	Hoạt động Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	
43.	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ (1.001786.000.00.00.H38)	-	-	
44.	Thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ. (1.001747.000.00.00.H38)	-	-	
45.	Cấp chứng chỉ nhân viên bức xạ (đối với người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế). (2.002379.000.00.00.H38)	An toàn bức xạ hạt nhân	-	
46.	Khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế. (2.002385.000.00.00.H38)	-	-	

TT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết	Ghi chú
47.	Cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế. (2.002380.000.00.00.H38)	-	-	
48.	Gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (2.002381.000.00.00.H38)	-	-	
49.	Sửa đổi giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (2.002382.000.00.00.H38)	An toàn bức xạ hạt nhân	-	
50.	Bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (2.002383.000.00.00.H38)	-	-	
51.	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ - Sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế (2.002384.000.00.00.H38)	-	-	
52.	Đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận (2.001209.000.00.00.H38)	Tiêu chuẩn đo lường chất lượng	-	
53.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học (1.005061.000.00.00.H38)	Cơ sở giáo dục khác	Sở Giáo dục và Đào tạo	
54.	Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm khác thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (3.000315.000.00.00.H38)		-	

TT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết	Ghi chú
55.	Xét, cấp học bổng chính sách (1.002407.000.00.00.H38)		-	
56.	Đề nghị đánh giá, công nhận Đơn vị học tập cấp tỉnh (2.002593.000.00.00.H38)	Hệ thống Giáo dục quốc dân	-	
57.	Đề nghị miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập, hỗ trợ tiền đóng học phí đối với người học tại các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, giáo dục nghề nghiệp và giáo dục đại học (1.005144.000.00.00.H38)		-	
58.	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục (1.001714.000.00.00.H38)		-	
59.	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia (1.000691.000.00.00.H38)		-	
60.	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia (1.000288.000.00.00.H38)		-	
61.	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia (1.000280.000.00.00.H38)		-	
62.	Tuyển sinh trung học phổ thông (3.000181.000.00.00.H38)	Giáo dục trung học	-	
63.	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông (2.002478.000.00.00.H38)		-	

TT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết	Ghi chú
64.	Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông (1.012944.000.00.00.H38)		-	
65.	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học (1.001088.000.00.00.H38)		-	
66.	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục (1.000715.000.00.00.H38)	Kiểm định chất lượng	-	
67.	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục (1.000713.000.00.00.H38)		-	
68.	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục (1.000711.000.00.00.H38)		-	
69.	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (3.000466.H38)	Hệ thống văn bằng chứng chỉ	-	
70.	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (3.000465.H38)		-	
71.	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú (PTDTNT) (1.005090.000.00.00.H38)	Thi, tuyển sinh	-	
72.	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin (1.003734.000.00.00.H38)		-	
73.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp (2.000189.000.00.00.H38)	Giáo dục nghề nghiệp	-	

TT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết	Ghi chú
74.	Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (2.001959.000.00.00.H38)		-	
75.	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thực (2.000632.000.00.00.H38)		-	
76.	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thực (1.010595.000.00.00.H38)		-	
77.	Thay thế chủ tịch, thư ký, thành viên hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực; chấm dứt hoạt động hội đồng quản trị (1.010594.000.00.00.H38)		-	
78.	Công nhận hội đồng quản trị trường trung cấp tư thực (1.010593.000.00.00.H38)		-	
79.	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và doanh nghiệp (1.000389.000.00.00.H38)		-	
80.	Đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh (1.012628.000.00.00.H38)	-	-	

TT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết	Ghi chú
81.	Đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh (1.012606.000.00.00.H38)	-	-	
82.	Đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều xã thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh (1.012605.000.00.00.H38)	-	-	
83.	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo (Cấp tỉnh) (1.012616.000.00.00.H38)	-	-	
84.	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp (1.001973.000.00.00.H38)	Việc làm	Sở Nội vụ	
85.	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp (1.001966.000.00.00.H38)	-	-	
86.	Giải quyết hỗ trợ học nghề (2.000839.000.00.00.H38)	-	-	
87.	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp (1.001978.000.00.00.H38)	-	-	
88.	Thông báo hoạt động khuyến mại (2.000033.000.00.00.H38)	Xúc tiến thương mại	Sở Công thương	
89.	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại (2.001474.000.00.00.H38)	-	-	

TT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết	Ghi chú
90.	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (2.000004.000.00.00.H38)	-	-	
91.	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 1 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (2.000002.000.00.00.H38)	-	-	
92.	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm (1.001440.000.00.00.H38)	Du lịch	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	
93.	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế (1.004628.000.00.00.H38)	-	-	
94.	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa (1.004623.000.00.00.H38)	-	-	
95.	Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa (1.001432.000.00.00.H38)	-	-	
96.	Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch (1.004614.000.00.00.H38)	-	-	
97.	Công nhận điểm du lịch (1.004528.000.00.00.H38)	-	-	
98.	Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (2.001628.000.00.00.H38)	-	-	
99.	Cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (2.001616.000.00.00.H38)	-	-	

TT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết	Ghi chú
100.	Cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (2.001622.000.00.00.H38)	-	-	
101.	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành (2.001611.000.00.00.H38)	-	-	
102.	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể (2.001589.000.00.00.H38)	-	-	
103.	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (1.004551.000.00.00.H38)	-	-	
104.	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (1.004503.000.00.00.H38)	-	-	
105.	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (1.001455.000.00.00.H38)	-	-	
106.	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (1.004580.000.00.00.H38)	-	-	
107.	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch (1.004572.000.00.00.H38)	-	-	
108.	Thủ tục công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1 sao, 2 sao, 3 sao đối với khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch (1.004594.000.00.00.H38)	-	-	

TT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết	Ghi chú
109.	Cấp Giấy phép xuất bản bản tin (1.009374.000.00.00.H38)	Báo chí	-	
110.	Văn bản chấp thuận thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương) (1.009386.000.00.00.H38)	-	-	
111.	Cho phép hợp báo (trong nước) (2.001171.000.00.00.H38)	-		
112.	Cấp Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (2.001594.000.00.00.H38)	Xuất bản, in và phát hành	-	
113.	Cấp lại Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm (2.001584.000.00.00.H38)	-	-	
114.	Cấp Giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh (cấp địa phương) (1.003725.000.00.00.H38)	-	-	
115.	Cấp giấy phép xuất bản tài liệu không kinh doanh (1.003868.000.00.00.H38)	-	-	
116.	Cấp giấy phép hoạt động in (1.004153.000.00.00.H38)	-	-	
117.	Cấp lại giấy phép hoạt động in (2.001744.000.00.00.H38)	-	-	
118.	Xác nhận đăng ký hoạt động cơ sở in (2.001740.000.00.00.H38)	-	-	
119.	Cấp giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (2.001098.000.00.00.H38)	Phát thanh truyền hình và	-	

TT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết	Ghi chú
		Thông tin điện tử		
120.	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (1.005452.000.00.00.H38)	-	-	
121.	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (địa phương) (2.001091.000.00.00.H38)	-	-	
122.	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp (2.001087.000.00.00.H38)	-	-	
123.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga (1.000953.000.00.00.H38)	Thể dục thể thao	-	
124.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf (1.000936.000.00.00.H38)	-	-	
125.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate (1.000904.000.00.00.H38)	-	-	
126.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn (1.000883.000.00.00.H38)	-	-	
127.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billards & Snooker (1.000863.000.00.00.H38)	-	-	
128.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn	-	-	

TT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết	Ghi chú
	(1.000847.000.00.00.H38)			
129.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay (1.000830.000.00.00.H38)	-	-	
130.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ (1.000644.000.00.00.H38)	-	-	
131.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness (1.005163.000.00.00.H38)	-	-	
132.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam (1.000544.000.00.00.H38)	-	-	
133.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá (1.000518.000.00.00.H38)	-	-	
134.	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn (1.004650.000.00.00.H38)	Văn hoá cơ sở	-	
135.	Thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo (1.004645.000.00.00.H38)	-	-	
136.	Tổ chức biểu diễn nghệ thuật trên địa bàn quản lý (không thuộc trường hợp trong khuôn khổ hợp tác quốc tế của các hội chuyên ngành về nghệ thuật biểu diễn thuộc Trung ương, đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật thuộc Trung ương)	Nghệ thuật biểu diễn	-	

TT	Tên TTHC	Lĩnh vực	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết	Ghi chú
	(1.009397.000.00.00.H38)			
137.	Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật (thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (1.001809.000.00.00.H38)	Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm	-	
138.	Cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích (1.001822.000.00.00.H38)	Di sản văn hoá	-	
139.	Cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích (1.002003.000.00.00.H38)	-	-	
140.	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích (1.003901.000.00.00.H38)	-	-	
141.	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích (2.001641.000.00.00.H38)	-	-	
142.	Cấp phép nhập khẩu di vật, cổ vật không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh (1.013456.H38)	-	-	
143.	Cấp Giấy phép phân loại phim (1.011454.000.00.00.H38)	Điện ảnh	-	